

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 7 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Sơn
2. Ông Hoàng Công Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Khiếu Thị A – sinh năm 1988

Địa chỉ cư trú: thôn Nam Lành, xã P, huyện T, tỉnh Q.

2. Bị đơn: anh Trần Anh S – sinh năm 1979

Địa chỉ cư trú: số nhà 376 Quang Trung, Khu phố 4, phường Đ, thị xã B, tỉnh Q.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/02/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Khiếu Thị A trình bày: chị và anh Trần Anh S tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Q (nay là phường Đ, thị xã B, tỉnh Q) vào ngày 12/3/2014. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của anh chị hòa thuận được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vì vợ chồng tính tình không hợp, không có sự thấu hiểu lẫn nhau; trong gia đình cũng có nhiều khó khăn về kinh tế dẫn đến mâu thuẫn, anh S không giúp đỡ được gì cho chị trong công việc gia đình mà hầu như vợ chồng ai biết việc người đó. Bên cạnh đó, vợ chồng chung sống với gia đình bên nội cũng nảy sinh thêm nhiều mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng. Thời gian chị sinh con ở bên ngoại, anh S và gia đình bên nội không quan tâm hỏi han gì đến mẹ con chị, nên chị và con vẫn sống với gia đình bên ngoại từ đầu năm 2016 vợ chồng

chị ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài nên chị đã làm đơn đến Tòa án xin được ly hôn với anh Trần Anh S.

Quá trình chung sống chị và anh Trần Anh S có 01 con chung là Trần Anh V- sinh ngày 19/02/2016. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là được nuôi con và yêu cầu anh S đóng góp tiền cấp dưỡng theo trình bày của anh S là 500.000 đồng mỗi tháng.

Quá trình chung sống chị và anh S không có tài sản chung hay nợ nần gì chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về phía bị đơn, anh Trần Anh S, mặc dù không có mặt theo sự triệu tập tại các phiên hòa giải nhưng ngày 10/5/2017, anh S đã tự mình đến Tòa án xin viết bản tự khai với nội dung trình bày: anh thống nhất với trình bày của chị Khiếu Thị A về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống. Theo anh, trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do hai bên tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Do vậy, nay chị A có nguyện vọng xin ly hôn thì anh cũng đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của chị A.

Anh S cũng nhất trí như lời trình bày của chị A là vợ chồng có 01 con chung là Trần Anh V – sinh ngày 19/02/2016, sau khi ly hôn anh nhất trí để chị A tiếp tục nuôi dưỡng con chung còn anh tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng là 500.000 đồng.

Về tài sản chung anh S thống nhất với trình bày của chị A là vợ chồng không có tài sản chung hay nợ nần gì chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị A ly hôn với anh S; đề nghị áp dụng Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình cho chị A được quyền nuôi dưỡng con chung, anh S phải có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng; không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh S cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa anh S vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất và triệu tập các đương sự đến xét xử lần thứ hai. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn tiếp tục vắng mặt. Kết quả xác minh tại UBND phường Đ thể hiện anh S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản gồm Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến

phiên toà lần thứ nhất, Quyết định hoãn phiên toà, Giấy triệu tập đến phiên toà lần thứ hai.

Sau khi nghe lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét sự vắng mặt của anh Trần Anh S, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh S vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng quy định tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng phải biết thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ, tạo điều kiện cho nhau về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên, chỉ mới sống chung với nhau được một thời gian ngắn anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, không thấu hiểu lẫn nhau, anh S không quan tâm, giúp đỡ chị A trong việc chăm sóc gia đình, con cái, hai bên không thể thông cảm, chia sẻ với nhau nên tình cảm dần phai nhạt và anh chị đã ly thân kể từ đầu năm 2016 đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Cả anh S và chị A thấy không còn tình cảm với nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh S là trầm trọng, không thể hàn gắn, hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị A được ly hôn với anh S là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Khiếu Thị A và anh Trần Anh S đều thống nhất khai nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Anh V– sinh ngày 19/02/2016. Xét nguyện vọng của chị A sau khi ly hôn muốn được nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng theo mức anh S đề nghị là hợp lý, anh S cũng thể hiện ý kiến là sẽ giao con cho chị A nuôi và anh cấp dưỡng mỗi tháng là 500.000 đồng vì hiện tại hoàn cảnh của anh cũng rất khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xử giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh S có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng kể từ tháng 8/2017 cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị A và anh S đều trình bày là quá trình chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Khiếu Thị A phải nộp toàn bộ án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước theo quy định, được khấu trừ vào khoản tạm ứng án phí đã nộp trước đây; anh Trần Anh S phải nộp toàn bộ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Anh S.

2. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khiếu Thị A, cho chị Khiếu Thị A ly hôn với anh Trần Anh S.

3. Về con chung: Giao con chung là Trần Anh V – sinh ngày 19/02/2016 cho chị Khiếu Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Anh S có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị S mỗi tháng 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) kể từ tháng 8/2017 cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Khiếu Thị A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002926 ngày 20/02/2017. Chị Khiếu Thị A đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh Trần Anh S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Đ;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

